

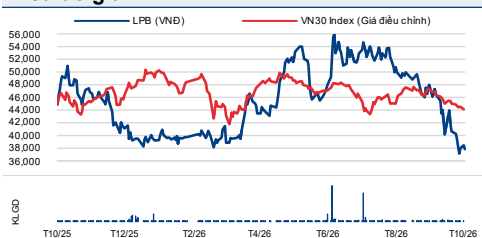
Bán ra

Giá mục tiêu: VNĐ25,400
Tiềm năng tăng/giảm: -32.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/10/2026)	37,850
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	37,200-56,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	38,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	113,069
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,370
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,987
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	149
Slg CP NN được mua (tr.đv)	104
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	1.53%
Tỷ lệ freefloat	83.6%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	606	715	870
Dư nợ cho vay (ntđ)	392	509	601
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	21.9	26.5	31.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	11.4	11.9	12.4
BVPS (đồng)	15,798	16,771	20,699
EPS (đồng)	3,824	3,973	4,135
DPS (đồng)	2,500	3,000	0
T.trưởng cho vay KH (%)	18.1	30.0	18.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	9.78	21.0	17.4
Tăng trưởng EPS (%)	17.5	3.90	4.07
Tăng trưởng DPS (%)	nm	20.0	(100)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	65.4	75.5	0
ROAE (%)	25.2	24.4	22.1
ROAA (%)	2.05	1.80	1.56
Tỷ lệ NIM (%)	2.92	2.79	3.21
Tỷ lệ CIR (%)	28.3	30.8	33.1
Hệ số CAR (%)	11.9	10.2	10.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.68	2.00	1.90
LLR/nợ xấu (%)	73.9	66.8	72.6
Hệ số LDR (%)	116	125	115
P/B (lần)	2.40	2.26	1.83
P/E (lần)	9.90	9.53	9.15
Lợi suất cổ tức (%)	6.61	7.93	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng Lộc Phát là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 29%; thu nhập phí bù đắp chi phí dự phòng

- LNTT Q3/2026 tăng 29% so với cùng kỳ đạt 4,45 nghìn tỷ đồng, nhìn chung sát với dự báo nhờ thu nhập phí tăng mạnh bù đắp cho chi phí dự phòng gia tăng. LNTT 9 tháng đầu năm 2026 đạt 10,4 nghìn tỷ đồng (tăng 8,4% so với cùng kỳ), hoàn thành 70,4% dự báo của chúng tôi.
- Tín dụng tăng 23% kể từ đầu năm, trong khi huy động tăng 29,7% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM cốt lõi giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,4% và tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,87%; tỷ lệ nợ xấu mới hình thành và chi phí dự phòng vượt giả định của chúng tôi.
- Mặc dù giá cổ phiếu đã giảm 29% trong 3 tháng qua, LPB vẫn đang giao dịch với P/B ở mức cao là 2 lần - cao hơn 75% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và đang xem xét lại dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3 vào ngày 20/10/2026

LPB đã công bố KQKD Q3/2026 vào ngày 20/10/2026 với LNTT tăng 29% so với cùng kỳ, nhìn chung sát với dự báo, trong đó thu nhập phí cao hơn dự phóng bù đắp cho chi phí dự phòng cao hơn giả định.

Thu nhập phí bù đắp chi phí dự phòng; LNTT sát với dự báo

LNTT tăng 29% so với cùng kỳ trong Q3/2026, tương đương lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm tăng 8,4% so với cùng kỳ, hoàn thành 70,4% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả này được dẫn dắt nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực đạt 23% kể từ đầu năm (tăng 12% so với quý trước) và thu nhập phí khác tăng mạnh (có thể là phí thu xếp tín dụng) nhờ bảng CĐKT tăng trưởng mạnh.

Kết quả này sát với dự báo mặc dù chúng tôi kỳ vọng khoản thu nhập phí này sẽ được hạch toán vào thu nhập lãi thuần thay vì thu nhập phí. Tuy nhiên, tỷ lệ NIM điều chỉnh bình quân (bao gồm khoản thu nhập phí khác) vẫn vượt dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2026, LPB

LNTT Q3 tăng 29% so với cùng kỳ đạt 4,45 nghìn tỷ đồng, từ đó đưa LNTT 9 tháng đầu năm lên 10,4 nghìn tỷ đồng (tăng 8,4% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	Q3/25	Q3/26	So với cùng kỳ	9T25	9T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	4,235	3,923	(7.4%)	11,253	11,689	3.9%	64.4%
Thu nhập ngoài lãi	1,088	4,044	271.7%	3,671	7,489	104.0%	90.0%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	853	3,395	298.0%	2,533	5,977	136.0%	98.2%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	79	433	448.9%	261	889	241.1%	96.0%
Lãi tự doanh	(48)	41	(185%)	20	136	584.4%	112.6%
Thu nhập thuần khác	186	159	(14.3%)	797	437	(45.1%)	40.0%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	18	17	(8.3%)	61	50	(18.2%)	48.5%
Tổng thu nhập HĐ	5,323	7,966	49.7%	14,924	19,179	28.5%	72.4%
Chi phí HĐ	(1,449)	(1,650)	13.9%	(4,226)	(5,337)	26.3%	65.4%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	3,874	6,316	63.0%	10,698	13,841	29.4%	75.5%
Chi phí dự phòng	(426)	(1,868)	338.7%	(1,087)	(3,420)	214.8%	97.1%
LNTT	3,448	4,448	29.0%	9,612	10,421	8.4%	70.4%
Lợi nhuận thuần	2,762	3,562	29.0%	7,692	8,361	8.7%	70.5%

Nguồn: LPB, HSC

Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành, tỷ lệ nợ xấu và chi phí dự phòng đều cao hơn dự báo. Tuy nhiên, chi phí hoạt động thấp hơn dự báo với điểm bất ngờ chính là số lượng nhân viên giảm 3,4% so với quý trước. Chiến lược mới của Ngân hàng tập trung vào cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn cần ít nhân sự hơn so với cho vay bán lẻ và DNNVV.

Tín dụng tăng 23% kể từ đầu năm; huy động tăng tốc

Tín dụng tăng 23% kể từ đầu năm và tăng 12% so với quý trước, chủ yếu được dẫn dắt bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn và DNNVV (tăng 50% kể từ đầu năm và tăng 24% so với quý trước), trong khi phân khúc khách hàng cá nhân giảm 12% kể từ đầu năm và giảm 9% so với quý trước, hiện chỉ đóng góp 29% danh mục tín dụng (giảm từ 42% trong năm ngoái). Cơ cấu theo ngành, ngành xây dựng là động lực tăng trưởng chính, tăng 93% so với quý trước và tăng 127% kể từ đầu năm

Huy động tăng tốc trong Q3/2026 với tiền gửi tăng 19,3% so với quý trước và tăng 25% kể từ đầu năm. Bao gồm giấy tờ có giá, tổng huy động sơ cấp tăng 29,7% kể từ đầu năm, mạnh hơn tăng trưởng tín dụng. Nguồn huy động chủ yếu đến từ khách hàng cá nhân. Hệ số LDR thuần cải thiện lên 114% trong Q3/2026 (so với 122% trong Q2/2026 và 116% tại thời điểm đầu năm), trong khi hệ số LDR điều chỉnh (bao gồm giấy tờ có giá) cải thiện lên 92,4% (so với 99,3% trong Q2/2026 và 97,5% tại thời điểm cuối năm 2025).

Tỷ lệ NIM cốt lõi thu hẹp; tỷ lệ NIM điều chỉnh cải thiện

Tỷ lệ NIM thông thường (chỉ bao gồm thu nhập lãi) giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 81 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 2,4%. Tuy nhiên, nếu bao gồm thu nhập phí khác, tỷ lệ NIM điều chỉnh đạt 4,55% (cao hơn so với dự báo của chúng tôi ở mức 4,15%), tăng 65 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 72 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Chi phí huy động tăng mạnh trong quý, tăng 68 điểm cơ bản so với quý trước lên 6,65% và chỉ thấp hơn khoảng 65 điểm cơ bản so với mức đỉnh 7,23% trong Q2/2023, cao hơn dự báo của chúng tôi. Tài sản mở rộng nhanh đã gây sức ép lên chi phí huy động của Ngân hàng.

Thu nhập phí cốt lõi, bao gồm phí thanh toán và hoa hồng bảo hiểm, vẫn kém tích cực.

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ; nợ xấu mới hình thành vượt dự báo

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 2 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,87%, với tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 12 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,37%. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu mới hình thành tăng mạnh từ bình quân 0,3% trong 6 tháng đầu năm lên 0,6%, từ đó chi phí dự phòng tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 63% từ 67% trong quý trước và 74% tại thời điểm đầu năm.

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và đang xem xét lại cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Sau khi giá cổ phiếu giảm 29% trong 3 tháng qua, P/B dự phóng của LPB vẫn ở mức cao là 2 lần, cao hơn 75% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và đang xem xét lại cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	34.1	39.3	51.5	61.4	70.9
Chi phí lãi	(18.7)	(23.3)	(33.4)	(36.3)	(39.8)
Thu nhập lãi thuần	15.4	16.0	18.2	25.1	31.2
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3.21	3.20	6.08	3.11	3.12
Lãi thuần HĐ KDNH	0.27	0.35	0.93	1.39	1.62
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.04	0.14	0.12	0.08	0.09
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.08	0.11	0.10	0.10	0.10
Thu nhập khác	0.94	2.05	1.09	1.35	1.88
Tổng thu nhập HĐ	19.9	21.9	26.5	31.1	38.0
Chi phí HĐ	(5.81)	(6.19)	(8.16)	(10.3)	(12.3)
LN trước dự phòng	14.1	15.7	18.3	20.8	25.7
Chi phí dự phòng	(1.95)	(1.42)	(3.52)	(5.34)	(7.19)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	12.2	14.3	14.8	15.4	18.5
Chi phí thuế TNDN	(2.45)	(2.85)	(2.94)	(3.09)	(3.70)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	9.72	11.4	11.9	12.4	14.8
EPS (đồng)	3,254	3,824	3,973	4,135	4,956
DPS (đồng)	0	2,500	3,000	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1.16	1.09	2.55	3.07	3.63
Tiền gửi tại NHNN	14.4	35.4	7.64	18.4	21.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	96.5	116	118	153	180
Chứng khoán kinh doanh	0.66	0.63	0.70	0.87	1.02
Các công cụ tài chính phái sinh	0.01	0.23	0.10	0.10	0.10
Số dư cho vay thuần	327	387	502	593	688
Tổng dư nợ cho vay	332	392	509	601	697
Dự phòng rủi ro	(4.33)	(4.88)	(6.81)	(8.29)	(9.39)
Chứng khoán đầu tư	58.1	52.8	68.8	85.7	101
CK đầu tư sẵn sàng để bán	58.1	52.8	68.8	85.7	101
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.55	1.00	0.44	0.44	0.44
Tài sản cố định	2.73	3.26	3.48	3.98	4.48
Tài sản khác	7.04	8.01	10.8	12.6	14.6
Tổng tài sản	508	606	715	870	1,015
Nợ phải trả	465	558	665	809	939
Tiền gửi của NHNN	1.27	17.7	15.3	0.04	0.04
Tiền gửi của các TCTD khác	115	128	127	180	195
Tổng tiền gửi KH	283	338	407	521	617
Trái phiếu và CCTG	55.5	64.1	102	92.0	109
Nợ khác	9.74	11.2	13.2	15.0	17.4
Vốn chủ sở hữu	43.3	47.2	50.1	61.8	75.9
Vốn điều lệ	25.6	29.9	29.9	29.9	29.9
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0.00	0.00	0.00
Lợi nhuận giữ lại	12.1	9.51	10.0	19.4	31.0
Quỹ & vốn khác của CSH	5.64	7.81	10.2	12.6	15.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	508	606	715	870	1,015
BVPS (đồng)	14,508	15,798	16,771	20,699	25,407

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	32.8	19.1	18.1	21.7	16.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	20.4	18.1	30.0	18.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	19.3	19.2	20.7	27.9	18.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	18.7	18.6	26.8	20.4	18.4
Tăng trưởng VCSH (%)	27.0	8.89	6.16	23.4	22.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.4	4.16	13.3	38.0	24.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.88	6.53	31.8	26.3	19.4
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	43.1	11.1	16.8	13.4	23.6
Tăng trưởng LNTT (%)	72.9	17.3	3.78	4.26	19.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	74.5	17.5	3.90	4.07	19.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.47	3.93	4.01	3.92	4.03
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.30)	(1.11)	(1.24)	(1.30)	(1.30)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.5	98.4	98.5	98.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.78	2.28	2.63	2.80	3.12
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	9.02	10.8	11.3	12.3	15.5

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.6	9.90	9.53	9.15	7.64
P/B (lần)	2.61	2.40	2.26	1.83	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	0	6.61	7.93	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	52.2	44.8	39.7	39.0
ROAA (%)	2.18	2.05	1.80	1.56	1.57
ROAE (%)	25.1	25.2	24.4	22.1	21.5
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	4.64	5.57	5.02	4.64
Lợi suất góp BQ (%)	7.82	7.16	7.93	7.86	7.64
Lợi suất thuần (%)	3.08	2.52	2.36	2.84	3.00
Tỷ lệ NIM (%)	3.53	2.92	2.79	3.21	3.36
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	16.1	14.6	23.0	10.0	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.2	73.3	68.6	80.6	82.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	6.66	12.1	8.46	9.38	9.73
Tỷ lệ CIR (%)	29.2	28.3	30.8	33.1	32.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	65.4	75.5	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	11.9	10.2	10.2	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	8.53	7.79	7.00	7.10	7.48
Đòn bẩy vốn (lần)	11.7	12.8	14.3	14.1	13.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.57	1.68	2.00	1.90	1.80
Hệ số LLR (%)	83.3	73.9	66.8	72.6	74.9

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	116	125	115	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.4	24.1	20.0	22.7	21.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.2	64.7	71.2	69.0	68.7

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,078	1,053	1,053	1,003	953
Số lượng nhân viên	11,189	9,597	10,077	11,085	12,194

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn